

Bản án số: 284/2019/HS-ST
Ngày 30-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Thẩm phán: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Đức Kiên

2. Ông Trần Huỳnh

3. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đào Công Lữ - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 284/2019/HSST ngày 23 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2930/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Lê Duy T;** giới tính: nam; sinh năm: 1980 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A KPB, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số A1 QL, xã C1, huyện D1, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: dịch vụ bi da; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: LHA và bà: MTNS; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ (sống như vợ chồng) (bà PHP) và 01 con (sinh năm 2008); tiền án: không, tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 20/11/1997, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù về tội “Cướp tài sản của công dân” (Bản án số 2182/HSST – BL 241-246). Ngày 04/3/1998, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên bản án sơ thẩm (Bản án số 273/HSPT). Ngày 19/4/1999 chấp hành xong hình phạt tù (BL 24). Đã thi hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm và khoản án phí hình sự phúc thẩm theo Quyết định thi hành án số 241/QĐ-THA ngày 06/7/1998 của Đội Thi hành án Quận 12 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12) (Công văn số 49/CCTHA ngày 09/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 – BL 248);

Bị bắt tạm giam từ ngày: 11/02/2014 (có mặt)

2. **Phạm Minh T1**; giới tính: nam; sinh năm: 1962 tại: Sài Gòn; thường trú: số A2 đường ND, Phường C2, Quận D2, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: số A3 ấp B1, xã C1, huyện D1, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: chạy xe ôm; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: PVB (chết) và bà: NTN (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 04 con (lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1999); tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày: 11/02/2014 (có mặt)

3. **Hoàng Xuân L** (tên gọi khác: CL); giới tính: nam; sinh năm: 1993 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A4 đường TC, phường C3, quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: số A5 đường THĐ, KPB2, phường C4, quận D4, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: sửa xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; con ông: HXC và bà: TTLĐ; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ (không đăng ký kết hôn) và 01 con (sinh ngày 27/01/2014); tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày: 10/02/2014 (có mặt)

4. **Hồng Chí P**; giới tính: nam; sinh năm: 1985 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: đã bị xóa hộ khẩu tại số A6 đường AC (số cũ: số A7 đường AC), Phường C5, Quận D5, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: buôn bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: không; con ông: HTH và bà: NTT; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 01 con (sinh năm 2013); tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày: 10/02/2014 (có mặt)

5. **Phạm Anh T2**; giới tính: nam; sinh năm: 1977 tại: Đồng Nai; thường trú: số A8 đường LTT, Phường C6, Quận D6, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; con ông: PAL và bà: NTLP; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ, chưa có con; tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày: 10/02/2014 (có mặt)

6. **Lý Thiện T3** (tên gọi khác: C); giới tính: nam; sinh năm: 1994 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A9 đường LBT, Phường C7, Quận D7, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: số A10 đường B3, Phường C8, Quận D8, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 1/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: không; con ông: LTH (chết) và bà: VTP; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày: 10/02/2014 (có mặt)

- *Người bào chữa:*

1. Luật sư Đỗ Hải Bình – Văn phòng Luật sư Quốc Anh, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – bào chữa chỉ định cho bị cáo Phạm Minh T1 (có mặt)

2. Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh Thi – Văn phòng Luật sư Quỳnh Thi, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – bào chữa cho bị cáo Lê Duy T, Phạm Anh T2 (có mặt)

3. Luật sư Nguyễn Văn Đức – Văn phòng luật sư Dân Đức, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – bào chữa chỉ định cho bị cáo Hoàng Xuân L, Hồng Chí P (vắng mặt)

4. Luật sư Nguyễn Kim Liên – Văn phòng luật sư Nguyễn Kim Liên, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – bào chữa chỉ định cho bị cáo Phạm Anh T2 (có mặt)

5. Luật sư Nguyễn Bá Tùng - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Chân Thiện Mỹ, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - bào chữa chỉ định cho bị cáo Hồng Chí P (có mặt)

6. Luật sư Hoàng Cao Sang - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hoàng Việt Luật, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - bào chữa chỉ định cho bị cáo Hoàng Xuân L (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà TTHV

Trú tại: 2120 Phạm Thế Hiển, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2. Bà NTT4

Trú tại: 66/457M Phan Huy Ích, Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

3. Ông VVV

Trú tại: Thôn Nam Tử 1, xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Diễn biến vụ án:

Vào lúc 11 giờ 00 ngày 10/02/2014, tại khu vực đường ADV, phường C10, Quận D9, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an quận Bình Tân bắt quả tang Lý Thiện T3 có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy, thu giữ trong túi quần trái của bị cáo 01 gói nylon chứa tinh thể không màu.

Căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo T3, vào lúc 17 giờ 00 cùng ngày, Công an quận Bình Tân tiến hành bắt khẩn cấp Hoàng Xuân L (là đối tượng giao ma túy cho T3 đi bán), khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo L (địa chỉ: số A12 đường THĐ, Phường C9, Quận D9), thu giữ: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu.

Vào lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày, tại trước số A11 đường TPP, khu phố B4, Phường C9, Quận D9, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an quận Bình Tân kiểm tra bắt quả tang Hồng Chí P và

Phạm Anh T2 đang trên đường đi bán ma túy cho bị cáo L, thu giữ trong cốp xe Vespa màu vàng, biển số 59V1-497.92 (do P điều khiển) 490 viên nén tròn màu trắng; thu giữ trong ba lô của T2 01 hộp màu đen bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu.

Căn cứ vào lời khai của Hoàng Xuân L, Lý Thiện T3 và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, vào lúc 18 giờ 00 ngày 11/02/2014, Cơ quan cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành bắt, khám xét khẩn cấp đối với Lê Duy T và Phạm Minh T1 (là các đối tượng đã bán ma túy cho L và T3 để bán lại cho người khác), thu giữ tại nơi ở của T1 (địa chỉ: Số A3 ấp B1, xã C1, huyện D1, Thành phố Hồ Chí Minh) 12 gói nylon chứa chất bột trắng; 767 viên nén tròn màu trắng, một mặt viên nén khắc hình dấu cộng (+); 168 viên nén tròn màu xanh dương, 01 gói nylon chứa các mảnh vụn màu trắng; 01 gói nylon chứa chất bột màu xanh lá cây; 01 gói nylon chứa 40 viên nén tròn màu trắng, một mặt khắc hình dấu cộng (+); 01 gói nylon chứa tinh thể không màu; 02 viên nén tròn màu cam; 16 viên nén tròn màu xanh dương; 01 gói nylon chứa chất bột màu cam; 01 gói nylon chứa tinh thể không màu.

2. Các văn bản giám định của cơ quan chuyên môn:

■ Tại Kết luận giám định số 454/KLGD-H ngày 19/5/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự - công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 95-96) thể hiện:

Gói 1: chất bột màu trắng trong 12 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Minh T1 và hình dấu công an xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh gửi đến giám định có trọng lượng 186,1742 gram, có Ketamine.

Gói 2: gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Minh T1 và hình dấu công an xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh gửi đến giám định, bên trong có:

+ 767 viên nén tròn màu trắng, một mặt viên nén có khắc hình dấu cộng (+) trong 06 gói nylon có trọng lượng 182,2920 gram, có (+)-N- α -dimethyl-3,4-(methylenedioxy) phenethylamine (MDMA).

+ 168 viên nén tròn màu xanh dương trong 02 gói nylon có trọng lượng 7,2718 gram, có 4-Bromo-2,5-dimethoxyphenethylamine (2C-B).

+ các mảnh vụn của viên nén tròn màu trắng trong 01 gói nylon có trọng lượng 1,0968 gram, có (+)-N- α -dimethyl-3,4-(methylenedioxy) phenethylamine (MDMA).

+ Chất bột màu xanh lá cây trong 01 gói nylon có trọng lượng 2,2441 gram, có (+)-N- α -dimethyl-3,4-(methylenedioxy) phenethylamine (MDMA).

Gói 3: gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Minh T1 và hình dấu công an xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh gửi đến giám định, bên trong có:

+ 40 viên nén tròn màu trắng, một mặt viên nén có khắc hình dấu cộng (+) trong 01 gói nylon có trọng lượng 9,5752 gram, có (+)-N- α -dimethyl-3,4-(methylenedioxy) phenethylamine (MDMA).

+ Tinh thể không màu trong 01 gói nylon có trọng lượng 0,3626 gram có Methamphetamine.

Gói 4: gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Minh T1 và hình dấu công an xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh gửi đến giám định, bên trong có:

+ 02 viên nén tròn màu cam trong 01 gói nylon có trọng lượng 0,5513 gram, có (+)-N- α -dimethyl-3,4-(methylenedioxy) phenethylamine (MDMA).

+ 16 viên tròn màu xanh dương trong 01 gói nylon có trọng lượng 0,6728 gram, có 4-Bromo-2,5-dimethoxyphenethylamine (2C-B).

+ Chất bột màu cam trong 01 gói nylon có trọng lượng 0,4832 gram, có Ketamine.

+ Tinh thể không màu trong 01 gói nylon có trọng lượng 0,4399 gram, có Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 456/KLGD-H ngày 31/3/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự - công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 94) thể hiện:

Gói 1: 490 viên nén tròn màu trắng, một mặt viên nén có khắc hình dấu cộng (+) trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Hồng Chí P và hình dấu công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân gửi đến giám định có trọng lượng 120,3573 gram, có (+)-N- α -dimethyl-3,4-(methylenedioxy) phenethylamine (MDMA).

Gói 2: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Anh T2 và hình dấu công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân gửi đến giám định có trọng lượng 3,0508 gram, có Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 455/KLGD-H ngày 31/3/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự - công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 93) thể hiện:

Gói 1: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lý Thiện T3 và hình dấu công an phường An Lạc A, quận Bình Tân gửi đến giám định có trọng lượng 5,1438 gram, có Methamphetamine.

Gói 2: Gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Hoàng Xuân L và hình dấu công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân gửi đến giám định, bên trong có:

+ Tinh thể không màu trong 01 gói nylon có trọng lượng 1,9738 gram có Methamphetamine.

+ 10 viên nén tròn màu trắng, một mặt viên nén có khắc hình dấu cộng (+) trong 01 gói giấy bạc có trọng lượng 2,3321 gram có (+)-N- α -dimethyl-3,4-(methylenedioxy) phenethylamine (MDMA)

Tại Kết luận giám định số 60/KLGD-H ngày 26/8/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 517) thể hiện:

Gói 1: tinh thể không màu (ký hiệu mẫu 456-m2) được niêm phong có ký hiệu niêm phong 456(2)/2014; các chữ ký ghi tên Phan Hoàng Trạc, Trần Thanh Hòa gửi đến giám định có thành phần Methamphetamine, hàm lượng 66,07%

Gói 2: tinh thể không màu (ký hiệu mẫu 455-m1) được niêm phong có ký hiệu niêm phong 455(1)/2014; các chữ ký ghi tên Phan Hoàng Trạc, Trần Thanh Hòa gửi giám định thành phần Methamphetamine, hàm lượng 65,60%.

Gói 3: tinh thể không màu (ký hiệu mẫu 455-m2.1) được niêm phong có ký hiệu niêm phong 455 (2)/2014; các chữ ký ghi tên Phan Hoàng Trạc, Trần Thanh Hòa gửi đến giám định có thành phần Methamphetamine, hàm lượng 69,90%.

Gói 4: tinh thể không màu (ký hiệu mẫu 454-m3.2) được niêm phong có ký hiệu niêm phong 454(3)/2014; các chữ ký ghi tên Phan Hoàng Trạc, Trần Thanh Hòa gửi đến giám định có thành phần Methamphetamine, hàm lượng 62,84%.

Gói 5: tinh thể không màu (ký hiệu mẫu 454-m4.4) được niêm phong có ký hiệu niêm phong 454(4)/2014; các chữ ký ghi tên Phan Hoàng Trạc, Trần Thanh Hòa gửi đến giám định có thành phần Methamphetamine, hàm lượng 61,90%.

■ Tại Kết luận giám định bổ sung số 143/KLGĐBS-H ngày 17/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 789-790) thể hiện:

04 gói được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Minh T1 và hình dấu Công an xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, bên trong có:

- Gói 1: Bột màu trắng trong 12 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 186,1742 gam, loại Ketamine.

- Gói 2:

+ 767 viên nén tròn màu trắng, một mặt viên nén có khắc hình dấu cộng (+) trong 06 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 182,2920 gam, loại MDMA.

+ 168 viên nén tròn màu xanh dương trong 02 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 7,2718 gam, loại 4-Bromo-2,5-dimethoxyphenethylamine (2C-B).

+ Các mảnh vụn của viên nén tròn màu trắng trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,0968 gam, loại MDMA.

+ Bột màu xanh lá cây trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,2441 gam, loại MDMA.

- Gói 3:

+ 40 viên nén tròn màu trắng, một mặt viên nén có khắc hình dấu cộng (+) trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 9,5752 gam, loại MDMA.

+ Tinh thể không màu trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3626 gam, loại Methamphetamine.

- Gói 4:

+ 02 viên nén tròn màu cam trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5513 gam, loại MDMA.

+ 16 viên nén tròn màu xanh dương trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,6728 gam, loại 4-Bromo-2,5-dimethoxyphenethylamine (2C-B).

+ Bột màu cam trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4832 gam, loại Ketamine.

+ Tinh thể không màu trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4399 gam, loại Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định bổ sung số 144/KLGĐBS-H ngày 17/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 791) thể hiện:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lý Thiện T3 và hình dấu Công an phường An Lạc A, quận Bình Tân gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5,1438 gam, loại Methamphetamine.

- Gói 2 được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Hoàng Xuân L và hình dấu Công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân gửi đến giám định, bên trong có:

+ Tinh thể không màu trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,9738 gam, loại Methamphetamine.

+ 10 viên nén tròn trắng, một mặt viên nén có khắc hình dấu cộng (+) trong 01 gói giấy bạc là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,3321 gam, loại MDMA.

Tại Kết luận giám định bổ sung số 145/KLGĐBS-H ngày 17/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 792) thể hiện:

- Gói 1: 490 viên nén tròn màu trắng, một mặt viên nén có khắc hình dấu cộng (+) trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Hồng Chí P và hình dấu Công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 120,3573 gam, loại MDMA.

- Gói 2: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Anh T2 và hình dấu Công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 3,0508 gam, loại Methamphetamine.

■ Ngày 17/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 1655/CV-PC04 (Đ 5) gửi Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 859) về nội dung tại Kết luận giám định bổ sung số 143/KLGĐBS-H, số 144/KLGĐBS-H, số 145/KLGĐBS-H ngày 17/8/2018 kết luận bổ sung về đối tượng giám định và Kết luận giám định số 60/KLGĐ-H ngày 26/8/2016. Ngày 28/01/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 158/PC09-Đ 6 (BL 860) với nội dung:

Phòng PC09 trả lời như sau:

Ngày 04/8/2016, Phòng Kỹ thuật hình sự đã tiếp nhận trung cầu giám định bổ sung số 450/2016/QĐ-TCGD ngày 04/3/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Phòng Kỹ thuật hình sự đã thực hiện giám định và có Kết luận giám định số 60/KLGĐ-H ngày 26/8/2016 kết luận về hàm lượng chất ma túy Methamphetamine trong các mẫu được yêu cầu (tại thời điểm đó đơn vị triển khai giám định hàm lượng Methamphetamine).

Ngày 19/7/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự nhận được các Quyết định trung cầu bổ sung số 129-33, 129-33A, 129-33B ngày 19/7/2018 của Phòng PC04 yêu cầu giám định bổ sung khối lượng và loại ma túy đối với các mẫu giám định. Phòng Kỹ thuật hình sự đã tiến hành giám định bổ sung và có các Kết luận giám định bổ sung số 143/KLGĐBS-H, số 144/KLGĐBS-H, số 145/KLGĐBS-H ngày 17/8/2018 kết luận bổ sung về đối tượng giám định. Các Kết luận bổ sung này không mâu thuẫn với Kết luận giám định số 60/KLGĐ-H ngày 26/8/2016 về hàm lượng vì kết luận về các vấn đề khác nhau và đều thực hiện đúng các quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 và Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015, trong đó:

- Kết luận giám định số 60/KLGĐ-H ngày 26/8/2016 kết luận về hàm lượng chất ma túy Methamphetamine tinh khiết tồn tại dưới dạng ba-zơ tự do, không đại diện cho toàn bộ các dạng tồn tại của chất ma túy Methamphetamine được quy định trong Danh mục các chất ma túy do Chính phủ ban hành (bao gồm cả các muối có thể tồn tại của Methamphetamine).

- Các Kết luận giám định bổ sung số 143/KLGĐBS-H, số 144/KLGĐBS-H, số 145/KLGĐBS-H ngày 17/8/2018 kết luận bổ sung về khối lượng và loại ma túy đối với các mẫu gửi đến giám định, phù hợp đối với các mẫu vật ma túy không thuộc 04 trường hợp bắt buộc phải giám định hàm lượng quy định tại mục 1.4 khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015.

Kết luận giám định số 60/KLGĐ-H ngày 26/8/2016 và các Kết luận giám định bổ sung số 143/KLGĐBS-H, số 144/KLGĐBS-H, số 145/KLGĐBS-H ngày 17/8/2018 kết luận về những vấn đề khác nhau nên không có cơ sở để hợp nhất các văn bản trên.

3. Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận:

- Bị cáo Lê Duy T: do làm ăn thua lỗ nên T nảy sinh ý định mua ma túy về bán lại thu lời, để thực hiện ý định, T nhờ cha ruột của bạn gái là Phạm Minh T1 phụ giúp mua bán ma túy, T1 đồng ý. Từ tháng 12/2013, T đã nhiều lần mua ma túy tổng hợp của T6 (không rõ lai lịch), mỗi lần từ 100 đến 500 viên thuốc lắc, với giá 135.000 đồng/ viên và từ 10 đến 50 gam ma túy đá, với giá 40.000.000 đồng/ 50 gam. Sau khi mua được ma túy, T mang về phân chia thành từng gói trực tiếp đem bán hoặc đưa cho T1 cất giấu đem tiêu thụ theo hướng dẫn của T. T và T1 đã bán ma túy cho nhiều đối tượng tại khu vực trước quán bida T&T của T và đường số 10, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có Hoàng Xuân L và Lý Thiện T3. Cụ thể:

Lần 1: vào ngày 10/12/2013, T trực tiếp bán cho L 50 gam ma túy đá với giá 50.000.000 đồng, L mang về bán lại cho P (không rõ lai lịch) với giá 52.500.000 đồng.

Lần 2: vào ngày 15/12/2013, T kêu T1 mang 5 gam ma túy đá đến bán cho L giá 5.000.000 đồng, tuy nhiên L không trực tiếp đến nhận mà nhờ T3 đến lấy đem về giao lại cho L đem bán cho khách được 5.200.000 đồng.

Lần 3: vào ngày 20/12/2013, T bán cho L 50 viên thuốc lắc màu trắng, một mặt khắc hình dấu (+) với giá 140.000 đồng/ viên, tổng cộng là 7.000.000 đồng. Sau đó, L mang bán lại cho khách được 7.200.000 đồng.

Lần 4: vào ngày 02/01/2014, T kêu T1 mang 7 gam ma túy đá bán cho L với giá 7.000.000 đồng, tuy nhiên L không trực tiếp đến nhận mà nhờ T3 đến lấy đem về đưa L bán cho khách được 7.250.000 đồng.

Lần 5: vào ngày 05/01/2014, T kêu T1 mang 50 gam ma túy đá đem bán cho L với giá 50.000.000 đồng, sau đó L mang số ma túy này bán lại cho P được 52.500.000 đồng.

Lần 6: vào ngày 08/01/2014, T kêu T1 mang 500 viên thuốc lắc, một mặt khắc hình dấu cộng (+) bán cho L với giá 140.000 đồng/ viên, tổng cộng là 70.000.000 đồng, sau đó L bán lại số ma túy trên cho P được 72.500.000 đồng.

Lần 7: vào ngày 10/02/2014, T nhờ T1 mang 5 gam ma túy đá đến bán cho L với giá 5.000.000 đồng tại khu vực quán bida T&T, L nhờ T3 đến lấy, trên đường mang ma túy về đưa cho L thì bị bắt quả tang cùng tang vật như đã nêu.

Đồng thời số lượng 391,1638 gam Ketamine, MDMA, MA, 2C-B thu giữ khi khám xét địa chỉ số Số A3 ấp B1, xã C1, huyện D1, Thành phố Hồ Chí Minh là do Lê Duy T mua của T6 trước đó đưa cho Phạm Minh T1 cất giấu chưa bán hết thì bị phát hiện thu giữ. Lời khai của Lê Duy T phù hợp với lời khai của Phạm Minh T1.

- Hoàng Xuân L khai nhận: ngoài việc mua ma túy của T và T1, L còn mua ma túy của Đông (còn gọi là T5, không rõ lai lịch) 02 lần gồm: lần 01 mua 02 viên thuốc lắc màu xám, giá 150.000 đồng/viên sử dụng hết; lần 02 mua 10 viên thuốc lắc giá 150.000 đồng/viên cùng 2.000.000 đồng ma túy đá chưa kịp sử dụng và bán lại cho khách thì bị khám xét thu giữ như đã nêu trên. Thời gian này, L còn nhờ Lý Thiện T3 04 lần đem ma túy bán cho người khác, trong đó 02 lần đầu mỗi lần 02 viên thuốc lắc (loại màu trắng, một mặt có khắc hình dấu cộng (+) với giá 300.000 đồng và 02 lần sau mỗi lần 01 gam ma túy đá, với giá 1.000.000 đồng/gam, sau khi bán ma túy xong T3 mang tiền về giao lại cho L, T3 được L bao ăn ở và cho ma túy sử dụng.

- Hồng Chí P khai nhận: khoảng tháng 11/2013, P đi chơi gặp và quen biết Đông (còn gọi là T5, không rõ lai lịch), sau đó Đông có nói cho P biết Đông mua bán ma túy và nhờ P phụ giúp, vì gia đình gặp khó khăn nên P đồng ý. Từ tháng 01/2014 đến khi bị bắt, P đã phụ giúp Đông đi bán ma túy cho khách được 04 lần, mỗi lần cách nhau khoảng 01 tháng, gồm: 02 lần đầu, mỗi lần 02 gam ma túy đá, giá 2.000.000 đồng; lần 03 bán 01 gam ma túy đá, với giá 1.000.000 đồng, sau mỗi lần bán ma túy xong P mang tiền về giao lại cho Đông và được Đông cho 200.000 đồng tiêu xài. Lần cuối cùng vào khoảng 14 giờ 00 ngày 10/02/2014, Đông điện thoại kêu P đến khu vực ĐS, Quận D10 gặp Lê (bạn gái Đ, không rõ lai lịch) lấy ma túy rồi đến đường Lý Thái Tổ, Quận 10 chở Phạm Anh T2 cùng đi giao ma túy cho Hoàng Xuân L. P theo lời Đ đến gặp Lê nhận 01 hộp màu đen đựng ma túy đá để vào cốp xe mô tô chạy đến gặp T2, P cùng T2 lấy hộp đựng ma túy đá trên bỏ vào ba lô của T2 cất giấu. Tiếp đến, P chở T2 đến trước siêu thị L trên đường BTH đổi xe với một người thanh niên (không rõ lai lịch) nhận 01 xe Vespa màu vàng, biển số 59V1-497.92 bên trong cốp xe có chứa ma túy, sau đó trên đường P chở T2 đi giao ma túy cho L thì bị công an quận Bình Tân bắt quả tang, thu giữ vật chứng là 490 viên thuốc lắc và 01 gói nylon chứa 3,0508 gam ma túy đá như đã nêu.

Các bị cáo còn lại như Phạm Minh T1, Lý Thiện T3, Phạm Anh T2 khai nhận phù hợp với các lời khai trên.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21 tháng 12 năm 2017, các bị cáo Lê Duy T, Phạm Minh T1, Hoàng Xuân L, Lý Thiện T3, Phạm Anh T2, Hồng Chí

P thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình hoặc chỉ thừa nhận một phần hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 203/CT-VKS-P1 ngày 20/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo:

- Lê Duy T, Phạm Minh T1 về “Tội Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Hoàng Xuân L, Hồng Chí P và Phạm Anh T2 về “Tội Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Lý Thiện T3 về “Tội Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Lê Duy T, Phạm Minh T1, Hoàng Xuân L, Hồng Chí P, Phạm Anh T2 và Lý Thiện T3 khai nhận một phần hành vi phạm tội như bản Cáo trạng nêu, cụ thể: bị cáo Lê Duy T không đồng ý về khối lượng và số lần mua bán ma túy, ngày bắt bị cáo mà bản Cáo trạng truy tố; bị cáo thừa nhận mua ma túy từ Phạm Minh T1 và bán lại cho Lý Thiện T3 nhưng cho rằng chỉ chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy thu giữ từ bị cáo T3, bị cáo chỉ quen biết bị cáo L khi gặp nhau tại quán bi da. Bị cáo Phạm Minh T1 thừa nhận khối lượng ma túy bị thu giữ tại chỗ ở của bị cáo cũng như thừa nhận có bán ma túy cho Lê Duy T nhưng cho rằng nguồn gốc ma túy là của đối tượng tên S. Bị cáo Hoàng Xuân L thừa nhận có mua bán ma túy với Phạm Minh T1 cũng như khối lượng ma túy bị thu giữ khi bắt quả tang bị cáo T3 và khi khám xét chỗ ở là của bị cáo. Bị cáo Lý Thiện T3 thừa nhận có mua ma túy từ Lê Duy T. Bị cáo Hồng Chí P khai nhận được đối tượng T5 gọi đi đón Phạm Anh T2 để cùng đi giao ma túy cho đối tượng CL (Hoàng Xuân L), bị cáo đã 04 lần đi giao ma túy giúp T5. Bị cáo Phạm Anh T2 khai nhận được bị cáo P nhờ đi công chuyện cùng nên bị cáo mang theo 02 con dao để trong ba lô mang theo, bị cáo không biết việc P đi giao ma túy nhưng do khối lượng ma túy bị phát hiện trong ba lô của bị cáo nên bị cáo chịu trách nhiệm đối với phần ma túy này.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể:

1. Lê Duy T: từ 19 đến 20 năm tù và phạt bổ sung số tiền 30.000.000 đồng.

2. Phạm Minh T1: từ 18 đến 19 năm tù và phạt bổ sung số tiền 30.000.000 đồng.

3. Hoàng Xuân L: từ 16 đến 17 năm tù và phạt bổ sung số tiền 30.000.000 đồng.

4. Hồng Chí P: từ 15 đến 16 năm tù và phạt bổ sung số tiền 30.000.000 đồng.

5. Phạm Anh T2: từ 15 đến 16 năm tù và phạt bổ sung số tiền 30.000.000 đồng.

6. Lý Thiện T3: từ 07 đến 08 năm tù và phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý tang vật theo quy định pháp luật.

Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh Thi khi bào chữa cho bị cáo Lê Duy T đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo chịu trách nhiệm hình sự đối với số ma túy bị cáo đã bán cho bị cáo T3 (sau đó, bị cáo T3 bị bắt quả tang và thu giữ cùng ma túy), riêng số ma túy bị truy tố bán cho bị cáo L và thu giữ khi khám xét chỗ ở bị cáo T1 đề nghị không xem xét. Khi bào chữa cho bị cáo Phạm Anh T2, Luật sư đề nghị không buộc bị cáo T2 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số ma túy bị thu giữ trong cốp xe, riêng số ma túy thu giữ trong ba lô bị cáo, bị cáo thừa nhận chịu trách nhiệm nên Luật sư đề nghị xin xem xét mức hình phạt khoan hồng.

Luật sư Nguyễn Kim Liên bào chữa cho bị cáo Phạm Anh T2 đồng quan điểm với Luật sư Thi, đồng thời, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, áp dụng Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T2 khi xem xét hình phạt.

Luật sư Đỗ Hải Bình bào chữa cho bị cáo Phạm Minh T1 đề nghị xem xét bị cáo T1 về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với vai trò là người giữ giúp khối lượng ma túy bị thu giữ khi khám xét chỗ ở.

Luật sư Nguyễn Bá Tùng bào chữa cho bị cáo Hồng Chí P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt khoan hồng đối với bị cáo do xuyên suốt vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công cách mạng, khối lượng ma túy bị truy tố không lớn.

Luật sư Hoàng Cao Sang bào chữa cho bị cáo Hoàng Xuân L đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L dựa trên khối lượng ma túy thực tế thu giữ đối với các bị cáo cũng như cân nhắc mối quan hệ giữa các bị cáo do giữa bị cáo T và L chỉ quen biết tại quán bi da, còn L và T1 là không quen biết nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về lý lịch của các bị cáo:

1. Đối với bị cáo Hoàng Xuân L, kết quả điều tra thể hiện bị cáo L có hộ khẩu thường trú tại 48 Đồng Đen, Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã chuyển hộ khẩu thường trú đến số số A4 đường TC, phường

C3, quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 05/7/2011 (BL 770). Ngày 01/8/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can số 217-54 (BL 766), lập lại Danh bản, Chỉ bản và Trích lục lại tiền án, tiền sự đối với bị cáo.

2. Đối với bị cáo Hồng Chí P, kết quả điều tra thể hiện trước đây bị cáo P thường trú tại số A6 đường AC, Phường C5, Quận D5, Thành phố Hồ Chí Minh. Do không chấp hành nghĩa vụ quân sự và thường xuyên vắng mặt tại địa phương không trình báo nên bị cáo đã bị xóa hộ khẩu thường trú từ ngày 01/3/2004. Số nhà số A7 đường AC, Phường C5, Quận D5 và số nhà số A6 đường AC, Phường C5, Quận D5 là một căn nhà. Số nhà hiện nay đang sử dụng là số A6 đường AC, Phường C5, Quận D5, Thành phố Hồ Chí Minh, còn số nhà số A7 đường AC, Phường C5, Quận D5 là số cũ. Cơ quan điều tra đã bổ sung nội dung này trong Biên bản xác minh ngày 24/8/2018 (BL 774).

3. Tại Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 107/2017/HSST-QĐ ngày 03/5/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã yêu cầu được xác định chính xác địa chỉ chỗ ở, năm sinh con của các bị cáo trong vụ án. Tại bản Cáo trạng số 203/CT-VKS-P1 ngày 20/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu rõ về nội dung này nên Hội đồng xét xử căn cứ vào nội dung bản Cáo trạng, diễn biến vụ án (các biên bản bắt người, biên bản khám xét...) và nội dung trả lời của các bị cáo khi kiểm tra lý lịch của người tham gia tố tụng để ghi nhận như phần đầu bản án thể hiện.

[2] Quá trình điều tra thể hiện vụ án bắt đầu từ Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 10/02/2014 tại công an phường An Lạc A, quận Bình Tân (BL 183-184) đối với bị cáo Lý Thiện T3; Biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng ngày 10/02/2014 tại công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân (BL 204-205) đối với Hồng Chí P và Phạm Anh T2. Từ việc thu giữ vật chứng và lời khai của các bị cáo T3, P, T2, Cơ quan điều tra đã tiến hành bắt Hoàng Xuân L, Lê Duy T, Phạm Minh T1 theo các Lệnh bắt khẩn cấp, đồng thời tiến hành khám xét thu giữ vật chứng. Cụ thể:

Bị cáo Lý Thiện T3 khai nhận khi cần mua ma túy đá thì bị cáo điện thoại cho Lê Duy T rồi hẹn nơi để lấy, bị cáo đã mua ma túy của T được 02 lần; có mối quen biết với Hoàng Xuân L, sử dụng chung ma túy với L và được L cho số điện thoại của T để liên lạc mua ma túy giúp L nhiều lần, sau khi nhận được ma túy, bị cáo đem về cho L và được L trả công nhưng bị cáo không lấy; đồng thời, bị cáo đã mang ma túy đi bán giúp L 04 lần cho bạn của L (Biên bản ghi lời khai ngày 10/02/2014, ngày 11/02/2014, ngày 12/02/2014; Biên bản hỏi cung bị can ngày 29/5/2014, ngày 20/8/2014 – BL 189-190, 191-192, 193, 194-195, 196-197).

Bị cáo Hồng Chí P khai nhận đã giao ma túy giúp cho đối tượng Đ (T5) khoảng 04 lần, trong 03 lần đầu bị cáo giao ma túy giúp cho Đ tại những địa chỉ được Đ chỉ; đến khoảng 14 giờ 00 ngày 10/02/2014, Đ gọi điện thoại cho bị cáo bảo đi bán ma túy cho CL (Hoàng Xuân L), bị cáo đồng ý nên Đ kêu qua nhà Phạm Anh T2 để đi cùng T2 và kêu bị cáo qua khu Đầm Sen gặp người yêu cầu

Đ lấy ma túy rồi đưa cho T2 giữ. Bị cáo thực hiện theo yêu cầu của Đ, khi đến đường Lý Thái Tổ, bị cáo gọi điện cho T2, T2 chỉ bị cáo đến đón T2, khi gặp T2, bị cáo nói T2 lấy hộp ma túy bỏ vào ba lô của T2, T2 lấy hộp ma túy rồi bỏ vào ba lô rồi để ba lô giữa chỗ ngồi của 02 người, sau đó bị cáo có gọi điện thoại cho Đ báo là đã gặp T2; Đ chỉ đạo bị cáo và T2 đến siêu thị Lotte Mark ở đường Ba Tháng Hai gặp 01 thanh niên đổi xe; khi đổi xe, T2 vẫn giữ hộp ma túy trong ba lô... (Biên bản ghi lời khai ngày 10/02/2014, ngày 12/02/2014, ngày 13/02/2014; Biên bản hỏi cung bị can ngày 28/5/2014, ngày 21/8/2014 – BL 223-224, 221-222, 225-226, 227-228, 229-230).

Bị cáo Phạm Anh T2 khai nhận khi Hồng Chí P bỏ ma túy vào ba lô của bị cáo, bị cáo biết đó là ma túy, chỉ không rõ là loại ma túy cụ thể nào; bị cáo quen biết P thông qua sự giới thiệu của T5, vào lúc 12 giờ 00 ngày 10/02/2014 T5 gọi điện thoại cho bị cáo và nhờ bị cáo chiều đi cùng với P, khi P kêu bị cáo mở ba lô của bị cáo ra, bỏ ma túy vào ba lô là bị cáo hiểu T5 nhờ bị cáo đi giao ma túy cùng với P, việc biết rõ là ma túy này còn cụ thể hơn khi bị cáo thấy P đổi xe cho 01 người thanh niên, thấy P mở yên xe và lấy 01 hộp màu đen, gọi điện thoại cho khách 02-03 lần. Bên cạnh đó, bị cáo xác định cũng có ý định không đi giao tiếp ma túy nhưng do đã lỡ nhận lời giúp T5 nên bị cáo vẫn tiếp tục ngồi trên xe để cùng P đi giao ma túy, P chở bị cáo được một đoạn thì T5 gọi điện thoại cho bị cáo hỏi P đang làm gì, bị cáo nói P đang chạy xe và đang nghe điện thoại, T5 dặn bị cáo chút nữa T5 sẽ nhắn tin cho bị cáo rồi bị cáo cho P xem, P sẽ hiểu; nói chuyện với T5 xong, bị cáo nói với P là T5 vừa gọi dặn chút nữa T5 sẽ nhắn tin cho P, vừa đi được một đoạn thì bị phát hiện bắt quả tang (Biên bản ghi lời khai ngày 10/02/2014, ngày 12/02/2014; Bản tự khai ngày 10/02/2014; Biên bản hỏi cung bị can ngày 16/6/2014 – BL 210-211, 212-213, 216, 219-220).

Như vậy, giữa bị cáo Hồng Chí P và bị cáo Phạm Anh T2 đã có sự thống nhất ý chí trong việc đem giao ma túy giúp Đ cho khách mua ma túy nên cùng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy bị thu giữ khi bắt quả tang.

Hoàng Xuân L khai nhận bị cáo T3 là người phụ giúp bị cáo trong việc mua bán ma túy, khi có người cần mua ma túy thì bị cáo đưa ma túy cho T3 đi giao sau đó đem tiền về cho bị cáo; nguồn ma túy bị cáo mua từ bị cáo T và trên thực tế, T3 đã gặp T để mua ma túy 02 lần đem về cho bị cáo; thừa nhận mối quan hệ giữa bị cáo và T3 cũng như giữa bị cáo và T đã mua bán ma túy nhiều lần, trong đó T1 là người giúp T3 giao ma túy cho bị cáo... (Biên bản ghi lời khai ngày 10/02/2014, ngày 11/02/2014; Biên bản hỏi cung ngày 20/5/2014, ngày 12/6/2014 - BL 142-143, 144-145, 149-150, 151-152).

Lê Duy T khai nhận đã bắt đầu việc mua bán ma túy từ tháng 12/2013, sau đó đem ma túy về phân chia sẵn, liên lạc trao đổi với người mua rồi khi có người mua, bị cáo sẽ liên lạc, hướng dẫn với bị cáo T1 để T1 trực tiếp giao cho người mua, số lượng ma túy thu giữ tại nhà bị cáo T1 là do bị cáo gửi T1 bán cho những đối tượng cần mua; thừa nhận nhiều lần bán ma túy cho bị cáo L, T3,

trong đó có những lần bị cáo T1 là người đi giao giúp; bị cáo cũng xác định bản thân đã thành khẩn khai báo và cố gắng giúp đỡ Cơ quan điều tra trong việc truy bắt tội phạm nhưng không thành (Biên bản ghi lời khai ngày 11/02/2014; Bản tự khai ngày 11/02/2014; Biên bản hỏi cung bị can ngày 18/4/2014, ngày 24/6/2014, ngày 06/8/2014 – BL 161-162, 163, 164-165, 168-169, 170-171).

Bị cáo Phạm Minh T1 khai nhận số ma túy bị thu giữ tại nơi ở là do Lê Duy T gửi cất giữ và đã nhiều lần T kêu bị cáo đem ma túy đến giao cho T để T bán cho khách; thừa nhận bắt đầu phụ giúp T mua bán ma túy loại hàng đá và thuốc lắc từ đầu năm 2014; trước đó T đã đưa ma túy cho bị cáo cất giấu nhiều lần từ khoảng cuối tháng 12/2013 và được trả công từ 200.000 – 300.000 đồng/ngày; ngày 10/02/2014, khoảng 10 giờ 00, T điện thoại kêu bị cáo đem hộp 5 ma túy hàng đá đến chỗ ở của T giao C (Lý Thiện T3) (Biên bản ghi lời khai ngày 11/02/2014; Bản tự khai ngày 11/02/2014; Biên bản hỏi cung bị can ngày 27/3/2014, ngày 17/7/2014, ngày 12/8/2014 – BL 172-175, 176, 177-178, 179-180, 181-182).

Như vậy, các lời khai ban đầu của các bị cáo phù hợp với các nội dung ghi nhận tại các biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản bắt người... từ đó thể hiện đầy đủ nội dung diễn biến vụ án. Việc các bị cáo thay đổi lời khai không làm thay đổi bản chất vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định nội dung vụ án đúng như bản Cáo trạng truy tố. Các bị cáo Lê Duy T, Phạm Minh T1, Hoàng Xuân L, Hồng Chí P, Phạm Anh T2 và Lý Thiện T3 đã có hành vi mua đi bán lại các chất ma túy nhằm hưởng lợi nên phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hội đồng xét xử khi áp dụng Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 cũng đã cân nhắc đến hướng dẫn về các căn cứ xác định điều luật quy định một hình phạt nặng hơn theo tinh thần của điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA ngày 05/7/2000 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an (trong việc đối chiếu Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia, xâm phạm đến hoạt động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

Đề có tiền và ma túy sử dụng, các bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán ma túy, bị phát hiện và bị bắt giữ theo quy định pháp luật. Quá trình điều tra và xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định:

1. Bị cáo Lê Duy T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 640,1977 gam các chất ma túy ở thể rắn (MDMA, Methamphetamine, 2C-B và Ketamine), gồm:

- Số ma túy 06 lần bán cho bị cáo L: 112 gam Methamphetamine; 131,890 gam MDMA (550 viên thuốc lắc);

- Số ma túy thu giữ khi bắt quả tang bị cáo T3: 5,1438 gam Methamphetamine;

- Số ma túy thu giữ khi tiến hành khám xét : 391,1639 gam MDMA, Methamphetamine, 2C-B, Ketamine .

2. Bị cáo Phạm Minh T1 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 578,2077 gam các chất ma túy ở thể rắn (MDMA, Methamphetamine, 2C-B và Ketamine), gồm:

- Số ma túy 04 lần bán cho bị cáo L: 62 gam Methamphetamine; 119,9 gam MDMA (500 viên thuốc lắc);

- Số ma túy thu giữ khi bắt quả tang bị cáo T3: 5,1438 gam Methamphetamine;

- Số ma túy thu giữ khi tiến hành khám xét : 391,1639 gam MDMA, Methamphetamine, 2C-B, Ketamine .

3. Bị cáo Hoàng Xuân L phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 256,2989 gam các chất ma túy ở thể rắn (MDMA, Methamphetamine, 2C-B và Ketamine), gồm:

- Số ma túy 06 lần mua của bị cáo T: 112 gam Methamphetamine; 131,890 gam MDMA (550 viên thuốc lắc);

- Số ma túy thu giữ khi bắt quả tang: 5,1438 gam Methamphetamine;

- Số ma túy thu giữ khi tiến hành khám xét : 2,3321 gam MDMA (10 viên thuốc lắc);

- Số ma túy bị cáo giao T3 đi bán : 2 gam Methamphetamine; 0,9592 gam MDMA (04 viên thuốc lắc).

4. Bị cáo Lý Thiện T3 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 20,1030 gam các chất ma túy ở thể rắn (MDMA, Methamphetamine), gồm:

- Số ma túy 02 lần mua của bị cáo T: 12 gam Methamphetamine;

- Số ma túy thu giữ khi bắt quả tang: 5,1438 gam Methamphetamine;

- Số ma túy bị cáo bán giúp L : 2 gam Methamphetamine; 0,9592 gam MDMA (04 viên thuốc lắc).

5. Bị cáo Hồng Chí P và bị cáo Phạm Anh T2 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 123,4081 gam các chất ma túy ở thể rắn (MDMA, Methamphetamine) thu giữ khi bắt quả tang, gồm : 120,3573 gam MDMA, 3,0508 gam Methamphetamine;

Khối lượng ma túy mà bị cáo Lê Duy T, Phạm Minh T1 phải chịu trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Khôi lượng ma túy mà bị cáo Hoàng Xuân L, Hồng Chí P và Phạm Anh T2 phải chịu trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Khôi lượng ma túy mà bị cáo Lý Thiện T3 phải chịu trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp quy định tại điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Bên cạnh đó, do các bị cáo Lê Duy T, Phạm Minh T1, Hoàng Xuân L và Lý Thiện T3 thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (đối với bị cáo T3) và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo T, T1, L).

Dựa trên phân tích như trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhằm đảm bảo mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Lê Duy T, Phạm Minh T1, Hoàng Xuân L, Hồng Chí P, Phạm Anh T2, Lý Thiện T3 khai báo tương đối thành khẩn; bị cáo T1, L, P, T2, T3 lần đầu phạm tội; bị cáo P có ông ngoại là Liệt sỹ NVC (ông được tặng thưởng Huân chương chiến thắng hạng ba) (BL 364-366) nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo T) và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo còn lại. Bên cạnh đó, xét trên tổng thể diễn biến vụ án, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T1 khi xem xét mức hình phạt.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn áp dụng khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự để phạt các bị cáo một khoản tiền sung quỹ nhà nước.

[3] Về một số nội dung liên quan vụ án:

[3.1] Đối với các đối tượng T6, P, Đ, T2, S do Lê Duy T, Hồng Chí P, Phạm Minh T1, Hoàng Xuân L, Lý Thiện T3, Phạm Anh T2 khai không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh không có cơ sở điều tra để xử lý.

[3.2] Về nội dung bị cáo Phạm Anh T2 khi bị bắt có bị thu giữ vài trăm nghìn đồng và bị cáo Lê Duy T khai khi bị bắt có bị thu giữ 7.500.000 đồng, nhẫn và dây chuyền: ngày 21/12/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 332/2017/HSST - QĐ về nội dung này; quá trình điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra tiến hành hỏi cung lại các bị cáo và kiểm tra các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để làm rõ nội dung này. Tại Kết luận điều tra bổ sung vụ án số 129-29D/KLĐT-PC04 (Đ 5) ngày 13/9/2018 (BL 801) ghi nhận không có căn cứ để khẳng định việc các bị cáo bị thu giữ tài sản như các bị cáo đã khai. Từ đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu liên quan đến nội dung này.

[4] Vật chứng của vụ án:

■ Lượng ma túy còn lại sau giám định có trong các gói niêm phong 454 (1,2,3,4); 455 (1,2); 456 (1,2) cùng 03 cái cân điện tử, 01 cái máy ép bịch nylon, 01 một số bịch nylon; 01 cái ba lô ; 02 con dao hiện không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

■ Đối với 10 (mười) cái điện thoại di động thu giữ của các bị cáo được sử dụng liên lạc khi thực hiện tội phạm nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

■ Đối với số tiền 1.000.000 đồng (thu giữ của Lý Thiện T3 khi bắt người phạm tội quả tang) là tang vật của vụ án nên Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ nhà nước.

■ Đối với 01 chiếc xe hai bánh gắn máy nhãn hiệu TQ biển số 59L6-6952 thu giữ từ Phạm Minh T1: qua xác minh do bà TTHV đứng tên đăng ký, bà V khai vào năm 2007 đã bán xe cho 01 người tên Thìn (không rõ lai lịch) và chưa làm thủ tục sang tên, bị cáo T1 khai mua chiếc xe trên của 01 người thanh niên không rõ lai lịch với giá 3.000.000 đồng vào năm 2007 để chạy xe ôm. Tại phiên tòa, bị cáo T1 thừa nhận trong quá trình chạy xe ôm trên có đem giao ma túy. Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

■ Đối với 01 chiếc xe hai bánh gắn máy nhãn hiệu Vespa biển số 59V1-49792 thu giữ từ Hồng Chí P khi bắt quả tang: qua xác minh do bà NTT4 đứng tên đăng ký. Ngày 03/01/2013, bà T4 làm hợp đồng bán xe trên cho ông VVV nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Qua điều tra xác minh hiện ông V đã đi khỏi địa phương nên không ghi được lời khai, cơ quan điều tra đã đăng báo truy tìm chủ sở hữu nhưng chưa có người liên hệ giải quyết. Hội đồng xét xử giao Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Sau 01 năm, kể từ ngày thông báo công khai mà không xác định được ai là chủ sở hữu chiếc xe trên thì tịch thu chiếc xe sung vào ngân sách Nhà nước.

■ Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Duy T (hiện đang lưu tại hồ sơ vụ án - BL 18): đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên Hội đồng xét xử giao trả cho bị cáo T.

Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Minh T1 (hiện đang lưu tại hồ sơ vụ án - BL 18): đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên Hội đồng xét xử giao trả cho bị cáo T1.

■ Đối với 01 xe gắn máy hai bánh hiệu Honda SH150i biển số 59X2-02737: qua xác minh do bà PHP đứng tên đăng ký. Ngày 10/02/2014, bà Phước chạy xe đến giúp Lê Duy T quản lý quán bida T&T (địa chỉ: Số A1 QL, xã C1, huyện D1, Thành phố Hồ Chí Minh) thì bị tạm giữ. Do không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra giao trả lại chiếc xe trên cho bà Phước (Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 04/9/2014 – BL 113).

■ Đối với 01 xe gắn máy hai bánh biển số 63X5-3339: qua xác minh do bà Lê Thị Ngọc Mỹ đứng tên đăng ký. Bà Mỹ khai vào ngày 08/02/2014, bà có nhờ

bị cáo L giữ hộ xe trên, sau đó bị cáo tự lấy cho bị cáo T3 mượn đi mua ma túy thì bị bắt quả tang. Do không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra giao trả lại chiếc xe trên cho bà Mỹ (Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 04/9/2014 – BL 140).

[5] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và một phần quan điểm bào chữa của Luật sư về các tình tiết giảm nhẹ, các phần khác không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo T);

Căn cứ vào điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo T1);

Căn cứ vào điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo L);

Căn cứ vào điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo P);

Căn cứ vào điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo T2);

Căn cứ vào điểm b, m khoản 2, khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo T3);

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 228 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

■ Tuyên bố các bị cáo Lê Duy T, Phạm Minh T1, Hoàng Xuân L (CL), Hồng Chí P, Phạm Anh T2 và Lý Thiện T3 (C) phạm “Tội Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

1. Lê Duy T: 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2014.

Buộc bị cáo Lê Duy T nộp phạt số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Phạm Minh T1: 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2014.

Buộc bị cáo Phạm Minh T1 nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Hoàng Xuân L (CL): 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2014.

Buộc bị cáo Hoàng Xuân L (CL) nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Hồng Chí P: 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2014.

Buộc bị cáo Hồng Chí P nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Phạm Anh T2: 16 (mười sáu) năm tù năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2014.

Buộc bị cáo Phạm Anh T2 nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Lý Thiện T3 (C): 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2014.

Buộc bị cáo Lý Thiện T3 (C) nộp phạt số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

■ Tịch thu tiêu hủy:

- Chất ma túy ma túy còn lại sau giám định có trong 08 (tám) gói niêm phong 454 (1,2,3,4); 455 (1,2); 456 (1,2), gồm: số 456 (2) → 60/HL (1); số 455 (1) → 60/HL (2); số 455 (2) → 60/HL (3); số 454 (3) → 60/HL (4); số 454 (4) → 60/HL (5); số 456 (1) → K mở NP; số 454 (1) → K mở NP; số 454 (2) → K mở NP;

- 03 (ba) cái cân điện tử;

- 01 (một) cái máy ép bịch nylon;

- Một số bịch nylon;

- 01 (một) cái ba lô;

- 02 (hai) con dao.

■ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- Số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

- 10 (mười) cái điện thoại di động; không rõ tình trạng sử dụng, gồm:

+ Nokia:

358652011765027;

358279040634394;
35285058879766;
352885058878503;
8800-không số;
1280-353664058711827;
357683016787527;
+ Iphone-358755055760877;
+ HTC-358701046279254;
+ TCL-869222005956834.

■ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: TQ; loại xe: 02 bánh; số loại: không rõ; biển số: 59L6-6952; số khung: VFCPCH0A2YF007448; số máy: 1P50FMH10023108; ghi chú: không gương, dàn nhựa bể, không kiểm tra máy móc bên trong;

■ Giao cho cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Vespa; loại xe: 02 bánh; số loại: Piaggio; biển số: 59V1-49792; số khung: RP8M66100AV038234; số máy: M661M40659; ghi chú: không gương, không kiểm tra máy móc bên trong.

Sau 01 năm, kể từ ngày thông báo công khai mà không xác định được ai là chủ sở hữu chiếc xe trên thì tịch thu chiếc xe sung vào ngân sách Nhà nước.

(Tang vật trên theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 61/15 ngày 06/11/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh – BL 19; riêng số ma túy theo Lệnh nhập kho vật chứng số 730/2017/LNKVC-TA-THS ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – BL 518; tiền theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 28/10/2014 của Kho bạc Nhà nước Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh – BL 141d);

■ Giao trả bị cáo Lê Duy T 01 (một) Giấy Chứng minh nhân dân số 023557827 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/12/2013 mang tên Lê Duy T (hiện đang lưu tại hồ sơ vụ án - BL 18).

■ Giao trả bị cáo Phạm Minh T1 01 (một) Giấy Chứng minh nhân dân số 021057494 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2011 mang tên Phạm Minh T1 (hiện đang lưu tại hồ sơ vụ án - BL 18).

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại tạm giam; (6)
- Bị cáo; (6)
- Người có QLNVLQ; (4)
- Luật sư; (3)
- Thi hành án hình sự; (7)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (12)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (64) (8)

Lê Kim Loan